

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-08-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Dương Nhanh, bà Đào Đắc Cẩm Tú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: thị trấn M, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: thị trấn M, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Trần M H, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: thị trấn M, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 25 tháng 3 năm 2022 của bà Lê Thị H T thể hiện:

Bà T và ông H kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc do ông H không quan tâm, lo lắng cho vợ con, từ năm 2020 đến nay bà và ông H không còn sống chung với nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có hai con chung là Trần Lê P V, sinh ngày 22/8/2006 và Trần Lê G K, sinh ngày 12/10/2013, hiện hai con đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền nuôi hai con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần M H: Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng ông Trần M H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Toà án.

Tại tờ tường trình ngày 15/6/2022, con chung Trần Lê P V và Trần Lê G K trình bày: Khi cha mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng sống với mẹ là Lê Thị H T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T, ông H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà T và ông H vắng mặt, đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị H T và ông Trần M H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H T và ông Trần M H tự nguyện kết hôn, được UBND thị trấn M, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01 ngày 27/5/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị H T và ông Trần M H là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu ly hôn do ông H không còn quan tâm lo lắng cho vợ con. Từ năm 2020 đến nay, bà T và ông H đã không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông H đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài, không giải quyết được, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà T và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H T.

[3] Về con chung: Bà T và ông H có hai con chung là Trần Lê P V, sinh ngày 22/8/2006 và Trần Lê G K, sinh ngày 12/10/2013, hiện hai con đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền nuôi hai con, cháu Khang và cháu Vy cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, căn cứ theo nguyện vọng của con chung và yêu cầu của bà T, Hội đồng xét xử giao con chung Trần Lê P V và Trần Lê G K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Lê Thị H T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H T được ly hôn với ông Trần M H.
2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị H T được quyền trực tiếp nuôi hai con chung là Trần Lê P V, sinh ngày 22/8/2006 và Trần Lê G K, sinh ngày 12/10/2013 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Ông Trần M H được quyền thăm nom con chung Trần Lê P V và Trần Lê G K không ai được quyền cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị H T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị H T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009946 ngày 11/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Lê Thị H T đã nộp xong.
6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.
7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND thị trấn M (Theo GCNKH số 110 ngày 27/4/2005;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Mến